**TRƯỜNG QUỐC TẾ Á CHÂU**

**ĐỀ TK KIỂM TRA CUỐI HKII TOÁN 6**

## A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 TOÁN – LỚP 6

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Chủ đề 1Phân số**(16 tiết+ 1GHK2)** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. | 1(TN2)0,25đ |  |  | 1(TL3)1,0đ |  |  |  |  | 2,0 |
| Các phép tính với phân số |  |  |  |  |  | 1(TL1)0,75đ |  |  |
| **2** | Chủ đề 2Số thập phân**(10 tiết + 1HK2)** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm | 1(TN6)0,25đ1(TN9)0,25đ1(TN12)0,25đ |  | 1(TN4)0,25đ1(TN8)0,25đ |  |  | 1(TL2)0,75đ |  | 1(TL7)1,0đ | 3,0 |
| **3** | Chủ đề 3Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên **(7 tiết)** | Hình có trục đối xứng | 1(TN1)0,25đ |  |  |  |  |  |  |  | 0,25 |
| Hình có tâm đối xứng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Vai trò của tính đối xứng trong tự nhiên |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | Chủ đề 4Các hình cơ bản  **(21tiết + 1GHK2 + 1HK2)**  | Điểm. Đường thẳng. Tia | 1(TN5)0,25đ |  |  |  |  |  |  |  | 2,75 |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng |  | 1(TL4)2,0đ |  |  |  |  |  |  |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | 1(TN7)0,25đ1(TN10)0,25đ |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | Chủ đề 5Một số yếu tốt xác suất**(8tiết + 1HK2)** | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản |  |  | 1(TN3)0,25đ1(TN11)0,25đ | 1(TL5)1,0đ |  |  |  |  | 2,0 |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản |  |  |  |  |  | 1(TL6)0,5đ |  |  |
| **Tổng: Số câu** **Điểm** | 82,0 | 12,0 | 41,0 | 22,0 | 00,0 | 32,0 | 00,0 | 11,0 | 10,0 |
| **Tỉ lệ %** | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | 100% |

## B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 TOÁN – LỚP 6

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Mức độ đánh giá** |  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐAI SỐ** |
| 1 | **Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số  | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số.– Nhận biết được hỗn số dương. | 1TN**(TN2)** |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước. |  | 1TL**(TL3)** |  |  |
| Các phép tính với phân số | ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  | 1TL**(TL1)** |  |
| 2 | **Số thập phân** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. | 3TN**(TN6, 9, 12)** |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 2TN**(TN4, 8)** |  |  |
| ***Vận dụng:*** – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.– Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | 1TL**(TL2)** |  |
|  |  |  | ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  | 1TL**(TL7)** |
| **HÌNH HỌC TRỰC QUAN** |
| 3 | Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên | Hình có trục đối xứng | **Nhận biết:** – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). | 1TN**(TN1)** |  |  |  |
| Hình có tâm đối xứng. | **Nhận biết:** * Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...

Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). |  |  |  |  |
| Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên | **Nhận biết:** * Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...
* Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).
 |  |  |  |  |
| **HÌNH HỌC PHẲNG** |
| 4 | **Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | **Nhận biết:** * Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.
* Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.
* Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.
* Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.
* Nhận biết được khái niệm tia.
 | 1TN**(TN5)** |  |  |  |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng. | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 1TL**(TL4)** |  |  |  |
|  |  | Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).– Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 2TN**(TN7, 10)** |  |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** |
| 5 | Một số yếu tố xác suất | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Nhận biết:*** Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | 2TN**(TN3, 11)**1TL**(TL5)** |   |  |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | 1 TL**(TL6)** |  |
| **Tổng** |  | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** |
| **Tỉ lệ %** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | **30%** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung | – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước vàbội. |  |  |  |  |
| * Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.
* Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.
 |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớnhơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.* Tìm được ƯC, ƯCLN , BC, BCNN của hai số tự nhiên
 |  | 2TL(TL2,TL5) |  |  |
| ***Vận dụng :***– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. |  |  | 1TN(TN9)1TL(TL6) |  |
| 2 | **Số nguyên** | Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên | ***Nhận biết:***– Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. |  |  |  |  |
| – Nhận biết được số đối của một số nguyên. | 1TN (TN3) |  |  |  |
| – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. | 1TL (TL1) |  |  |  |
| – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong mộtsố bài toán thực tiễn |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Biểu diễn được số nguyên trên trục số. |  | 1TN(TN10) |  |  |
| – So sánh được hai số nguyên cho trước. |  |  |  |  |
| Các phép tính với số nguyên.Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên | ***Nhận biết :***– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. |  1TN(TN4) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. |  | 1TN (TN11)  |  |  |
| ***Vận dụng:*** |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).
* Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.
 |  |  |  1TL (TL3) |  |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** |
| 3 | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | Hình vuông, Tam giác đều, lụcgiác đều | ***Nhận biết:***– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 1TN (TN5) |  |  |  |
| Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. | ***Nhận biết***– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. | 1TN (TN6) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***- Vẽ được hình chữ nhật,hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn (đơn giản,quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên( ví dụ tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt…) |  | 1TL(TL7,8) |  |  |
| ***Vận dụng :***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản***)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. |  |  |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** |
| 4 | **Một số yếu tố thống kê** | Thu thập và tổ chức dữ liệu. | ***Nhận biết:***– Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. | 2TN(TN7,8) |  |  |  |
| Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. | ***Thông hiểu:***– Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). Giải quyết được các vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng : bảng thống kê, biếu đồ tranh, biếu đồ cột / cột kép ... |  | 2TL(TL9;10) |  |  |

**ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**Môn: TOÁN – Lớp 6**

**Thời gian**: 90 phút

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. *(3,0 điểm)***

**Em hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:**

**Câu 1.** Trong các chữ cái sau, chữ cái nào có trục đối xứng?



**A.** **B.**



**C.** **D.**

**Câu 2.** Trong các phân số sau, số đối của  là:

**A.**  **B.** . **C.**  **D.** .

**Câu 3.** Khi tung hai đồng xu khác nhau, có thể xảy ra mấy trường hợp?

**A.** 4. **B.** 3.

**C.** 2. **D.** 1.

**Câu 4.** Tìm hai số tự nhiên  và  sao cho ?

**A.** .$-100$ **B.** .

**C.** .$-150$ **D.** .

**Câu 5**. Quan sát hình vẽ bên dưới và cho biết có bao nhiêu giao điểm?

**A**. 1.

**B.** 2.

**C.** 3.

**D.** 4.

**Câu 6.** Phân số  viết dưới dạng số thập phân là:

**A**.  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 7.** Quan sát hình vẽ bên dưới và cho biết góc bẹt trong hình là:

****

**A**. .

**B.** .

**C.** .

**D.** .

**Câu 8.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **SAI**?

**A.** .$BC=6cm$ **B.** $BC=12cm$. **C.** .$BC=8cm$ **D.** .$BC=16cm$

**Câu 9.** Phần thập phân của số  là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 10.** Quan sát hình vẽ bên dưới và cho biết góc trên hình có số đo bao nhiêu độ?

**A.** .

**B.** $980.10^{6}$ .

**C.** .

**D.** .

**Câu 11.** Cho phép thử nghiệm gieo con xúc xắc 6 mặt. Sự kiện nào trong các sự kiện sau có thể xảy ra?

**A.** Số chấm lớn hơn 6.

**B.** Số chấm nhỏ hơn 5.

**C.** Số chấm bằng 7.

**D.** Số chấm bằng 0.

**Câu 12.** Số thập phân  là biểu diễn dưới dạng số thập phân của phân số:

**A.** . **B.** $980.10^{6}$. **C.** . **D.** .

**PHẦN 2: TỰ LUẬN *(7,0 điểm)***

**Bài 1:** ***(0,75 điểm)* [VD]** Tính giá trị các biểu thức sau: .

**Bài 2:** ***(0,75 điểm)* [VD]** Tính nhanh một cách hợp lí:

.

**Bài 3:** ***(1,0 điểm)* [TH]** Tìm các số tự nhiên n sao cho: .

**Bài 4.** ***(2,0 điểm)*** Quan sát hình vẽ và cho biết O là trung điểm của đoạn thẳng nào dưới đây?



a) **[NB]** Hãy kể tên 4 đoạn thẳng khác nhau, trong đoạn thẳng đó có một đầu mút là A.

b) **[NB]** Điểm O là trung điểm của những đoạn thẳng nào?

**Bài 5.** ***(1,0 điểm)***

 Có các tuyến đường với độ dài như hình vẽ dưới đây để nối các điểm du lịch A, B và C. Bạn Linh đi từ A qua B rồi đến C. Hãy đánh giá xem các sự kiện sau đây là chắc chắn, có thể hay không thể xảy ra.



a/ **[TH]** Quãng đường Linh đi không vượt quá 15km.

b/ **[TH]** Quãng đường Linh đi dài 13km.

**Bài 6:** **[VD] *(0,5 điểm)***

Bạn Khang đã theo dõi và ghi lại số bạn đi học muộn trong 30 ngày của tháng 3 năm học 2022 - 2023. Kết quả cho ở bảng sau:



Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Ngày không có bạn nào đi học muộn”.

**Bài 7:** **[VDC] *(1,0 điểm)***

Một người đã bán được 85 quả trứng, vừa trứng gà vừa trứng vịt, trong đó trứng gà chiếm  tổng số trứng. Biết giá bán một quả trứng gà là 2 500 đồng, giá bán một quả trứng gà bằng  giá bán một quả trứng vịt. Hỏi người bán trứng thu được tất cả bao nhiêu tiền?

**-------------Hết--------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM ( mỗi câu đúng 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đ/án** | C | D | A | D | C | B | C | B | A | A | B | C |

**PHẦN 2: TỰ LUẬN*****(7,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Lời giải** | **Điểm** |
| **1***(0,75đ)* |  |  |
|  | *0,25* |
|  | *0,25* |
|  | *0,25* |
| **2***(0,75đ)* |  |  |
|  | *0,25* |
|  | *0,25* |
|  | *0,25* |
| **3***(1,0đ)* |  |  |
| Quy đồng mẫu số chung ta được:Quy đồng đúng mỗi phân số được 0,25 điểm | *0,25 x 2* |
| Suy ra:  | *0,25* |
| Vì nên  | *0,25* |
| **4a***(1,0đ)* | Kể được mỗi đoạn thẳng sẽ được 1 điểm: AB, AD, AO, AC | *0,25 x 4* |
| **4b***(1,0đ)* | O là trung điểm của đoạn thẳng AC | *0,5* |
| O là trung điểm của đoạn thẳng BD | *0,5* |
| **5a***(0,5đ)* | Quan sát hình vẽ ta thấy quãng đường dài nhất đi từ A đến C dài 15 km. Do đó sự kiện “Quãng đường Linh đi không vượt quá 15 km” chắc chắn xảy ra. | *0,25 x 2* |
| **5b***(0,5đ)* | Sự kiện “Quãng đường Linh đi dài 13 km” xảy ra khi Linh đi tuyến đường dài 5 km và 8 km và không xảy ra khi Linh đi tuyến đường khác (ví dụ: tuyến đường 5 km và 9 km). Do đó, sự kiện này có thể xảy ra. |  |
| **6***(0,5đ)* | ần Số lần ngày không có bạn nào đi học muộn là:12 | *0,25* |
| Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Ngày không có bạn nào đi học muộn” là: | *0,25* |
| **7***(1,0đ)* | Số Số trứng gà bán được là: (quả)  | *0,25* |
| Số trứng vịt bán được là: (quả) | *0,25* |
| Giá Giá bán một quả trứng vịt là: (đồng) | *0,25* |
| Tổng số tiền của người bán trứng thu được là: (trứng) | *0,25* |

---Hết---